

PHƯƠNG ÁN BAN ĐẦU XÂY DỰNG PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG KHÔNG GIAN BIỂN TỈNH QUẢNG NINH CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Nguyễn Ngọc Khánh^{1*}, Nguyễn Anh Thịnh²

¹Hội Địa lý Việt Nam; Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng

²Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

* Email: ngoackhanhdlvn@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/03/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 14/04/2024

Ngày chấp nhận đăng: 28/04/2024

TÓM TẮT

Phân vùng chức năng không gian biển là nhiệm vụ cấp thiết đối với quy hoạch phát triển kinh tế biển, do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đặt ra nhiệm vụ “Phân vùng chức năng biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế và bảo vệ môi trường biển tỉnh Quảng Ninh”, đồng thời đó cũng là mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Bằng phương pháp thực địa kết hợp với các phương pháp truyền thống khác, đến nay, nghiên cứu đã sơ bộ phân chia được các vùng chức năng không gian biển theo 03 cấp với 04 không gian chức năng biển, 12 vùng chức năng không gian biển và 10 loại hình khu vực chức năng không gian biển. Sơ đồ phân vùng chức năng là cơ sở để xây dựng bản đồ phân vùng chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Từ khóa: cấp phân vùng chức năng, không gian biển, phân vùng chức năng.

THE INITIAL PLAN TO BUILD A MARINE FUNCTIONAL SPACE IN QUANG NINH PROVINCE FOR MARINE ECONOMIC DEVELOPMENT

ABSTRACT

Zoning the functional areas of the marine space is an urgent task for the planning of marine economic development. Therefore, the People's Committee of Quang Ninh Province has set the task of “Marine functional zoning for economic development and marine protection in Quang Ninh province”, which is also the research objective. By using field methods combined with other traditional methods, up to now, it has been preliminarily divided into marine spatial functional areas according to three levels: 04 functional spaces – 12 functional areas – 10 functional groups of subareas. The scheme of marine functional zoning is the basis for developing a map of marine functional zoning of marine space in Quang Ninh province for marine economic sustainable development until 2030, with a vision to 2050.

Keywords: functional partition level, functional partitions, marine space.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững, đáp ứng yêu cầu quy hoạch tại Quyết

định số 80/2023/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030,

tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Quảng Ninh đã đề cập đến công tác phân vùng chức năng không gian biển thông qua đề tài “Phân vùng chức năng biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế và bảo vệ môi trường biển tỉnh Quảng Ninh” được thực hiện trong thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 2/2025. Theo đó, Quảng Ninh đã trở thành tỉnh đầu tiên tiến hành phân vùng chức năng không gian biển cấp tỉnh. Đến nay, đề tài đã đạt được kết quả ban đầu là phương án phân vùng chức năng không gian biển, được trình bày trong bài báo này.

Phân vùng chức năng không gian biển là một yêu cầu đối với quy hoạch không gian biển của mỗi quốc gia hay vùng lãnh thổ hoặc mỗi địa phương có biển phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế biển bền vững, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, đảm bảo thực hiện đầy đủ Công ước về đa dạng sinh học và thỏa thuận COP21 Paris nhằm hướng tới một tương lai bền vững và kiên cường hơn trên toàn thế giới (Kitsiou & Michael, 2017).

Phân vùng chức năng không gian biển trên thế giới được lồng ghép trong quy hoạch hay kế hoạch không gian biển như ở Liên minh châu Âu (UNESCO-IOC/European Commission, 2021), Bắc Mỹ, Australia..., hoặc làm thành một nội dung đặc thù như ở một số quốc gia, vùng lãnh thổ Đông Á, đặc biệt là ở Trung Quốc. Ở Việt Nam, Tổng cục Biển và Hải đảo đã tiến hành phân vùng sử dụng không gian biển quốc gia giai đoạn 2016 – 2020. Sau đó, trong Quy hoạch không gian biển quốc gia đã được phân vùng chức năng (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023b). Tiếp theo đó, 28 tỉnh, thành có biển đã tiến hành phân vùng chức năng không gian biển trong nội dung quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhưng ở mức độ khái quát dưới dạng sơ đồ phân chia không gian biển.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu chính là phương pháp thực địa được tiến hành theo 3 đợt như sau:

– Đợt 1: Thăm sát toàn bộ địa bàn sau khi có kết quả tổng thuật ban đầu làm cơ sở xác định các vấn đề cơ bản và địa bàn trọng điểm được tiến hành vào tháng 11/2023;

– Đợt 2: Khảo sát chi tiết theo các vấn đề cơ bản đã được phân tích và tích hợp vào từng địa bàn trọng điểm được tiến hành từ ngày 07 – 17/01/2024;

– Đợt 3: Thực địa kiểm chứng các kết quả đạt được, tiến hành từ ngày 23 – 25/3/2024; trong đó lưu ý đến các chức năng trọng tâm như: đảm bảo chủ quyền, quốc phòng – an ninh, phát triển các ngành – lĩnh vực kinh tế biển chủ lực theo các không gian chức năng trọng điểm (biên giới – hải giới quốc gia, vùng ưu tiên phát triển, vùng chông lấn chức năng...) trên không gian biển tỉnh Quảng Ninh.

Bên cạnh đó, phương pháp thứ cấp cũng được sử dụng để tổng thuật tài liệu, xử lý thông tin theo chủ đề và biên tập theo định hướng vấn đề (chức năng biển và phân vùng chức năng) và địa bàn nghiên cứu (không gian biển tỉnh Quảng Ninh). Phương pháp phân tích tư liệu bản đồ, sơ đồ, tư liệu ảnh không gian được sử dụng để xác định ranh giới các cấp không gian và được sử dụng trong tất cả các bước nghiên cứu, từ tổng thuật, tích hợp thông tin tài liệu, không gian để phân chia các cấp không gian tích hợp. Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như: phỏng vấn định lượng – bán định lượng theo phiếu điều tra (2.400 phiếu điều tra năm 2023); phỏng vấn định tính theo các câu hỏi tọa đàm – trao đổi với các cộng đồng xã hội, đặc biệt là cộng đồng quản lý, cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng dân cư có ảnh hưởng (04 mẫu bảng hỏi); cuối cùng là xây dựng các báo cáo tổng thuật, báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp và tổ chức các không gian chức năng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả tổng quan về phân vùng chức năng không gian biển

Phân vùng chức năng không gian biển có tầm quan trọng đặc biệt cho phép xác định 05 vấn đề: (1) Xác định được tiềm năng, vị

thể, tài nguyên của mỗi cấp không gian biển; (2) Đánh giá được hệ quả sử dụng không gian biển qua mỗi giai đoạn quy hoạch, thời đoạn thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế biển; (3) Phát hiện và xác định mức độ chồng lấn chức năng trong mỗi cấp không gian biển; (4) Đưa ra được thứ tự ưu tiên chức năng cho mỗi không gian biển và (5) Đưa ra được quyết định nhằm sử dụng hợp lý, khôn khéo và hài hòa với mục tiêu điều chỉnh, bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị, tiến tới bền vững không gian biển cho giai đoạn kế tiếp.

Tổng quan tài liệu nghiên cứu tại Australia năm 2002, cho thấy không gian biển trong phạm vi Công viên biển quốc tế được chia thành 07 phân khu: phân khu sử dụng chung, phân khu bảo tồn nơi cư trú, phân khu bảo tồn cửa sông, phân khu công viên bảo tồn, phân khu đệm, phân khu vườn quốc gia, phân khu bảo vệ nghiêm ngặt (Conservation, Biodiversity & World Heritage, 2002). Trong khi đó, không gian biển nước Anh được chia thành 11 vùng bao gồm: vùng ven bờ Đông Bắc, vùng ngoài khơi Đông Bắc, vùng ven bờ phía Đông, vùng ngoài khơi phía Đông, vùng ven bờ Đông Nam, vùng ven bờ phía Nam, vùng ngoài khơi phía Nam, vùng ven bờ Tây Nam, vùng ngoài khơi Tây Nam, vùng ven bờ Tây Bắc, vùng ngoài khơi Tây Bắc; trong đó mỗi vùng đều xây dựng kế hoạch sử dụng không gian biển dài hạn (khoảng 20 năm) và được rà soát 03 năm một lần. Ở Đức, các vùng ưu tiên được xác định theo chỉ định cho phát triển vận tải biển và năng lượng gió; các mục đích sử dụng khác đều bị cấm trừ khi tương thích với các mục đích sử dụng ưu tiên. Không gian biển Đan Mạch được mô tả phân chia thành 04 vùng chính gồm: vùng phát triển, vùng bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường, vùng sử dụng đặc biệt và vùng sử dụng chung (gồm tất cả các vùng trong quy hoạch không gian biển mà không được sử dụng cho mục đích khác; theo đó, không gian nghề cá, hàng hải, giải trí, du lịch thuộc vùng sử dụng chung nếu không vi phạm các luật khác). Ở Trung Quốc, theo cấp quốc gia, Honghao và cs. (2022) đã chia không gian

biển thành 05 vùng: vùng đánh bắt, vùng hàng hải, vùng công nghiệp, khai khoáng và giao thương, vùng nghỉ dưỡng, vùng dự trữ. Ở cấp địa phương, Ma và cs. (2022) đã chia không gian biển tỉnh Wenzhou thành 09 vùng: vùng đảo, vùng phát triển nông nghiệp và thủy sản, vùng dự trữ, vùng dịch vụ cảng biển, vùng bảo tồn biển, vùng công nghiệp và đô thị biển, vùng du lịch nghỉ dưỡng, vùng sử dụng đặc thù, vùng khoáng sản và năng lượng.

Ở Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xác định 02 không gian chính (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023b). Cụ thể, đối với không gian vùng đất ven biển và trên các đảo, các quần đảo đã được xây dựng dựa trên chức năng của các vùng đất, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, tài nguyên, môi trường, văn hóa, xã hội của mỗi vùng trong quan hệ sử dụng đất quốc gia, trong quy hoạch không gian biển không tiến hành phân vùng chức năng đối với vùng đất ven biển và trên các đảo, các quần đảo này. Đối với không gian thứ hai là không gian biển, quy hoạch phân thành 03 loại vùng chức năng: *vùng chức năng bảo vệ, bảo tồn* (có giá trị cao về tự nhiên, sinh thái, nguồn lợi thủy sản); *vùng chức năng phát triển kinh tế* (có tiềm năng, lợi thế cho phát triển các ngành kinh tế biển) và *vùng chức năng quốc phòng, an ninh* (có tiềm năng, lợi thế cho quốc phòng, an ninh).

Đối với thứ tự chức năng ưu tiên, tại các quốc gia phát triển, chức năng bảo vệ – bảo tồn được xem là trọng tâm và được phát huy là giá trị chức năng đa mục đích cao nhất xem như một ngành – lĩnh vực trọng điểm trong phát triển kinh tế biển, từ đó kết hợp với các chức năng kinh tế khác như du lịch, ngư nghiệp, công nghiệp... Trong khi đó, ở các quốc gia đang phát triển hoặc phát triển thấp, trọng tâm thường là chức năng kinh tế, còn chức năng bảo vệ, bảo tồn chỉ có vai trò như chức năng kết hợp. Trong Nghị quyết 36-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương, 2018) và Nghị quyết 26/NQ-CP (Chính phủ, 2019) về phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, chức năng phát triển kinh tế biển được định hướng thứ tự ưu tiên trọng tâm.

3.2. Kết quả tổng quan về cơ sở xác định chức năng không gian biển

Trong chức năng kinh tế, mỗi không gian biển cấp vùng, tỉnh... có thể xác định một chức năng làm trọng điểm như phát triển không gian du lịch biển, không gian thủy sản, không gian phát triển hàng hải, hoặc không gian phát triển công nghiệp, năng lượng tái tạo...; đồng thời coi đó như là trụ cột để xác định các mối kết hợp mang tính hài hòa, cùng khai thác lợi ích với các chức năng khác theo một ngưỡng tích hợp hợp lý, nhằm giảm nhẹ, tránh chồng chéo, mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột tại các không gian biển có sự tích tụ đậm đặc nhiều tiềm năng cho phát triển, đem lại tính hiệu quả cho các quyết định phát triển kinh tế biển bền vững. Báo cáo quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có quy hoạch không gian biển quốc gia (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2023) đã đưa ra 03 nhóm tiêu chí phân vùng tương ứng cho 03 nhóm chức năng gồm: (1) nhóm tiêu chí về quốc phòng, an ninh; (2) nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế – xã hội và (3) nhóm tiêu chí về bảo tồn. Ứng với mỗi không gian biển đặc thù, có thể xếp thứ tự ưu tiên chức năng khác nhau. Vì lẽ đó, Dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã sắp xếp 06 không gian chức năng biển theo thứ tự ưu tiên như sau: không gian đảm bảo quốc phòng, an ninh; không gian phát triển cảng biển và hàng hải; không gian phát triển công nghiệp ven biển; không gian phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; không gian bảo tồn di sản văn hóa và phát triển các khu du lịch, thể thao; không gian nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023b).

Theo ý nghĩa vị thế của 03 nhóm tiêu chí, có thể thấy, **về chức năng đảm bảo chủ quyền**, mỗi không gian biển đều thể hiện tính chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển được quy định bởi 04 thuộc tính văn bản: *Một là*, quy định quốc tế (kể

cả vùng biển chồng lấn – tranh chấp) trong Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982 (kí năm 1982, có hiệu lực từ năm 1994), trong đó Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn UNCLOS vào năm 1994; *Hai là*, Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13; *Ba là*, Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ được Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ CHND Trung Hoa kí ngày 25/12/2000 tại Bắc Kinh, nhằm xác định ranh giới lãnh hải, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của mỗi nước trong vịnh Bắc Bộ; *Bốn là*, quyết định cấp Nhà nước về phân định ranh giới trên biển giữa các địa phương trong một quốc gia.

Đối với nhóm tiêu chí **về chức năng kinh tế**, như ở Trung Quốc, không gian biển quốc gia được chia thành 05 vùng (Honghao và cs., 2022); đối với không gian biển cấp địa phương, Ma và cs. (2022) đã chia thành 08 vùng chức năng khác nhau. Theo kinh nghiệm phân vùng chức năng cơ sở cho quy hoạch không gian biển tỉnh Putian ở Trung Quốc, có 08 vùng chức năng và được chia nhỏ thành các khu vực chức năng cụ thể như sau: (1) Vùng nông – ngư nghiệp (khu vực khai hoang nông nghiệp, khu vực nuôi trồng thủy sản, khu vực phổ biến, khu vực câu cá, khu vực bảo vệ nguồn gen thủy sản, khu vực hạ tầng thủy sản); (2) vùng cảng (khu vực cảng, khu vực kênh, khu vực neo đậu); (3) Vùng công nghiệp và đô thị (khu vực công nghiệp biển và khu vực đô thị); (4) Vùng khoáng sản và năng lượng (khu vực dầu khí, khu vực khoáng sản rắn, khu vực làm muối, khu vực năng lượng tái tạo); (5) Vùng du lịch và giải trí (khu vực thắng cảnh du lịch và khu vực giải trí); (6) Vùng bảo tồn biển (khu vực bảo tồn thiên nhiên biển và khu vực bảo vệ đặc biệt biển); (7) Vùng sử dụng đặc biệt (khu vực quân sự và khu vực sử dụng đặc biệt khác); (8) Vùng dự trữ (Huang và cs., 2019). Còn ở Việt Nam, theo Nghị quyết 36/NQ-TU (Ban Chấp hành Trung ương, 2018) và Nghị

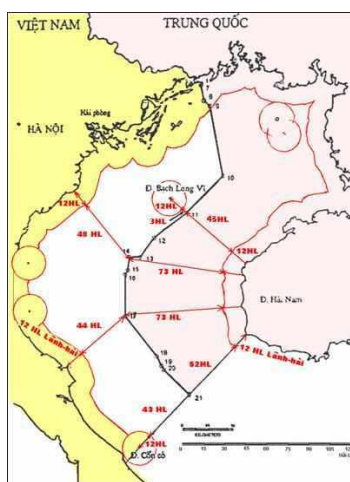
quyết 26/NQ-CP (Chính phủ, 2019), có 06 khu vực chức năng kinh tế biển gồm: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển và (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Đây là không gian biển tương đồng, có thể coi là kinh nghiệm thực tiễn để thiết lập chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh.

Đối với nhóm tiêu chí **về chức năng bảo vệ, bảo tồn**, trong mỗi không gian biển đều có những đặc trưng riêng về tính đa dạng, độ đậm đặc về các giá trị tài nguyên sinh học và sinh thái biển xét về mặt tự nhiên; cũng như mức độ phong phú của các giá trị văn hóa – lịch sử gắn với công cuộc khai phá, phát triển và bảo vệ không gian biển về mặt xã hội. Tại Việt Nam, các khu bảo vệ tự nhiên (*Protected Areas*) theo quy định gồm các loại: di sản thiên nhiên; khu dự trữ sinh quyển; vườn quốc gia; khu bảo tồn (khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài – sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan); hệ sinh thái đặc thù; hành lang đa dạng sinh học; khu vực đa dạng sinh học cao; cảnh quan sinh thái quan trọng; vùng đất ngập nước quan trọng... (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023a). Các khu bảo vệ lịch sử – văn hóa được quy định theo Luật Di sản văn hóa số 10/2013/VBHN-VPQH (Quốc hội, 2013) và Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2023) gồm: di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; di tích lịch sử – văn hóa; danh lam thắng cảnh... đã được xếp hạng. Ngoài ra, trong không gian biển còn có các khu bảo vệ khác liên quan đến nguồn lợi thủy sản là các khu bảo tồn biển, các khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn (vùng sinh sản các loài thủy sản có giá trị kinh tế và vùng thủy sản còn non...), các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (bảo vệ các đối tượng nguy cấp, quý, hiếm, loài kinh tế và bản địa) (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản, 2021). Đây là cơ sở để phân

tích và phân chia các khu vực chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh.

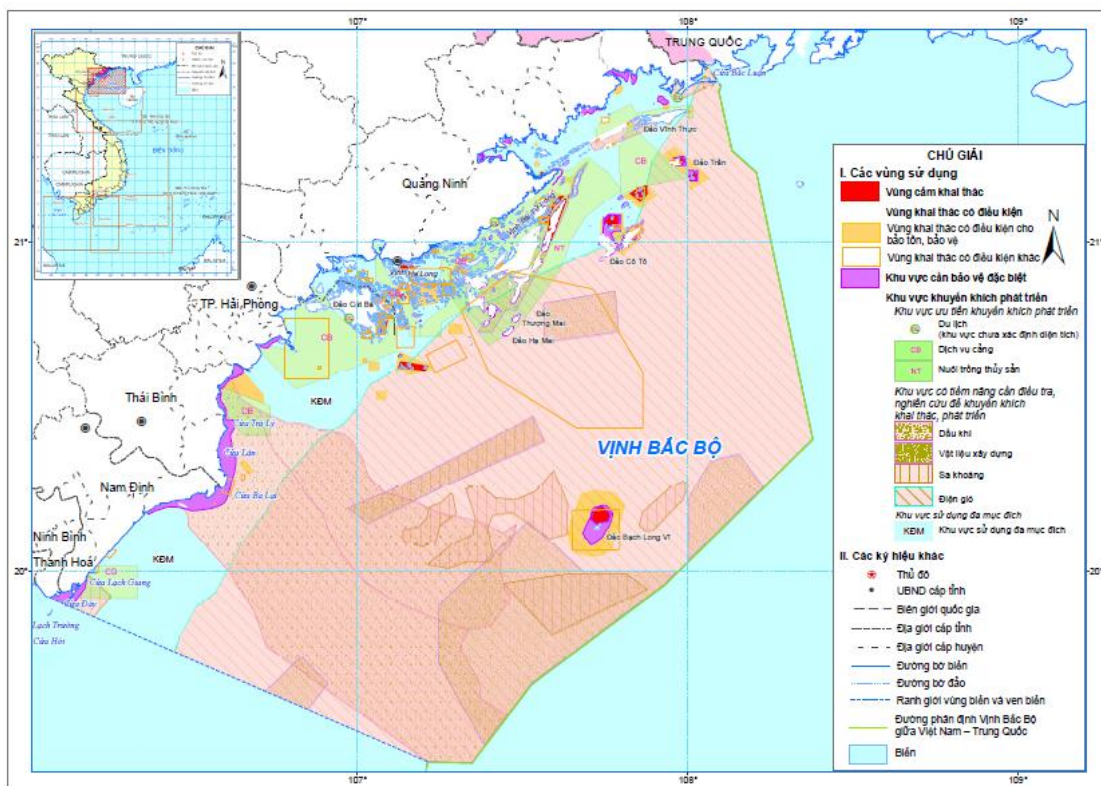
3.3. Kết quả bước đầu nghiên cứu phân vùng chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh

Phạm vi không gian biển tỉnh Quảng Ninh bao chiếm diện tích quan trọng và rộng lớn ở phía Bắc vịnh Bắc Bộ với đường bờ biển dài hơn 250 km, diện tích mặt biển rộng trên 6.000 km² với trên 2.770 hòn đảo lớn nhỏ và trên 40.000 ha bãi triều, 20.000 ha eo vịnh...; tạo nên “tính biển” cao nhất của vùng đồng bằng sông Hồng và miền Bắc Việt Nam với 9/13 đơn vị cấp huyện ở ven biển, chiếm 73,8% dân số và đóng góp 91,2% tổng số thu ngân sách từ các địa phương của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2011 – 2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Ranh giới không gian biển tỉnh Quảng Ninh được xác định trong không gian: vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển theo Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo số 82/2015/QH13 (Quốc hội, 2015); đường phân định ranh giới trên vịnh Bắc Bộ theo Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ (2000) và ranh giới biển giữa tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng theo đường phân định địa giới trong Nghị quyết 26/NQ-CP (Chính phủ, 2019) (Hình 1, Hình 2).



(Nguồn: Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ, 2000)

Hình 1. Ranh giới phía tây của không gian biển tỉnh Quảng Ninh



(Nguồn: Trần Đức Thạnh, 2020)

Hình 2. Không gian biển tỉnh Quảng Ninh trong bản đồ sử dụng không gian phía bắc vịnh Bắc Bộ

Bảng 1. Hệ thống phân chia vùng chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh

Cấp phân chia	Tiêu chí phân chia	Các đơn vị phân chia
Không gian chức năng	(+) Có sự thống nhất với không gian hoạt động các loại hình kinh tế phát triển xã hội biển – hải đảo được phân định trong các Nghị quyết 36/2018-NQ/TW, Nghị quyết 26/2020/NQ-CP, Quyết định 80/2023/QĐ-TTg; (+) Mang tính đặc trưng về các điều kiện địa lý – môi trường – tài nguyên và kinh tế – xã hội trong mỗi không gian phát triển gắn với quy hoạch không gian biển quốc gia; (+) Hòa hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường trong quy hoạch kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 80/2023/QĐ-TTg) và các quy hoạch ngành – lĩnh vực cấp quốc gia; (+) Được phân chia theo hướng mở, có thể được bổ sung, hiệu chỉnh theo các thời kỳ, kế hoạch phát triển ngắn – trung – dài hạn.	I – Không gian đới bờ gồm: I.1. Không gian chức năng lục địa ven bờ I.2. Không gian chức năng ven biển II – Không gian biển – đảo gồm: II.1. Không gian chức năng biển – đảo ven bờ II.2. Không gian chức năng biển – đảo xa bờ

Cấp phân chia	Tiêu chí phân chia	Các đơn vị phân chia
Vùng chức năng	(+) Có sự liên kết chặt chẽ về mặt không gian lãnh thổ với không gian chức năng biển; (+) Mang tính đặc thù về các điều kiện địa lý – môi trường – tài nguyên và đặc điểm về kinh tế – xã hội trong mỗi vùng phát triển gắn với định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực đề cập trong quy hoạch kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 80/2023/QĐ-TTg); (+) Hòa hợp với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch phát triển ở cấp địa phương (huyện, thành phố), cấp tỉnh và hòa hợp với chức năng của không gian phát triển; (+) Là các lãnh thổ chức năng được chi tiết hóa từ cấp không gian chức năng, phù hợp với đặc thù của các địa phương trong mỗi lãnh thổ cấp vùng.	Các vùng chức năng trong không gian đối bờ gồm: <i>I.1. Không gian chức năng lục địa ven bờ:</i> (I.1.a) – Vùng không gian lục địa ven bờ Móng Cái – Tiên Yên; (I.1.b) – Vùng không gian lục địa ven bờ thành phố Cẩm Phả – Hòn Gai; (I.1.c) – Vùng không gian lục địa ven bờ Hạ Long – Quảng Yên. <i>I.2. Không gian chức năng ven biển gồm:</i> (I.2.a) – Vùng không gian ven biển Móng Cái – Tiên Yên; (I.2.b) – Vùng không gian ven biển Cẩm Phả – Hòn Gai; (I.2.c) – Vùng không gian ven biển Hạ Long – Quảng Yên. Các vùng chức năng trong không gian biển – đảo gồm: <i>II.1. Không gian chức năng biển – đảo ven bờ:</i> (II.1.a) – Vùng không gian biển – đảo ven bờ Móng Cái – Tiên Yên; (II.1.b) – Vùng không gian chuỗi đảo Vĩnh Thực – Cái Chiên – Vạn Mục – Vạn Mặc – Thoi Dây; (II.1.c) – Vùng không gian biển – đảo Vân Đồn – Bái Tử Long; (II.1.d) – Vùng không gian biển – đảo vịnh Hạ Long – Quảng Yên. <i>II.2. Không gian chức năng biển – đảo xa bờ:</i> (II.2.a) – Vùng không gian biển xa bờ phía bắc quần đảo Cô Tô – đảo Trần; (II.2.b) – Vùng không gian biển xa bờ phía nam quần đảo Cô Tô – đảo Trần.
Khu vực chức năng	(+) Nằm trong phạm vi cấp vùng chức năng và cấp không gian chức năng; (+) Hòa hợp với các quy định phân chia và quản lý lãnh thổ sản xuất – tổ chức xã hội của địa phương cấp thành phố, cấp huyện – xã, phường; (+) Thể hiện đặc trưng – đặc thù về các điều kiện địa lý – môi trường – tài nguyên và kinh tế – xã hội đặc thù của mỗi khu vực chức năng; (+) Các khu vực chức năng không gian biển thể hiện cụ thể các định hướng mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường cụ thể trong quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ninh thời	– Nhóm chức năng quốc phòng, an ninh: (i) – Khu vực chức năng bảo vệ chủ quyền quốc gia; (ii) – Khu vực chức năng kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; – Nhóm chức năng phát triển kinh tế – xã hội biển: (iii) – Khu vực chức năng phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; (iv) – Khu vực chức năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao và các khu nuôi trồng thủy sản; (v) – Khu vực chức năng khai khoáng và phát triển năng lượng tái tạo;

<i>Cấp phân chia</i>	<i>Tiêu chí phân chia</i>	<i>Các đơn vị phân chia</i>
	kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chiến lược, quy hoạch phát triển ở cấp địa phương (huyện, thị, thành phố).	(vi) – Khu vực chức năng phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; (vii) – Khu vực chức năng phát triển đô thị biển – đảo; - Nhóm chức năng bảo vệ, bảo tồn; (viii) – Khu vực chức năng bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học; (ix) – Khu vực chức năng bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; (x) – Khu vực chức năng môi trường (xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt).

Không gian đối bờ bao gồm các xã, phường và thị trấn ven biển của 08 huyện, thị trấn ven biển có ranh giới trong chạy theo đường ranh giới phía tây các xã ven biển và ranh giới ngoài chạy theo đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) được quy định tại Nghị định 40/2016/NĐ-CP được xác định cụ thể từ bản đồ mô hình số độ cao (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023c). Trong đó:

I.1. Không gian chức năng ven bờ lục địa được phân chia với ranh giới trong chạy theo đường ranh giới phía tây các xã ven biển và ranh giới ngoài lấy theo mốc xác định hành lang bảo vệ bờ biển trong các Quyết định 2343/2020/QĐ-UBND (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2020) và Quyết định 2386/2022/QĐ-UBND (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, 2022); ranh giới ngoài biển lấy theo phạm vi của các loại đất cồn cát, đất cát đỏ trong bản đồ thổ nhưỡng đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (riêng không gian hành chính phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả trải rộng về phía đất liền nên ranh giới phía tây được xác định theo quốc lộ 18 để đảm bảo yêu cầu về nhu cầu sử dụng không gian biển), gồm các vùng chức năng:

I.1.a – Vùng không gian lục địa ven bờ Móng Cái – Tiên Yên là không gian giáp biển của 19 xã, phường, thị trấn ven biển thuộc thành phố Móng Cái, các huyện Hải Hà, Đầm Hà và Tiên Yên. Vùng không gian được đặc trưng bởi 10 loại hình khu vực chức năng gồm: khu bảo vệ chủ quyền quốc gia; khu kết

hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nuôi trồng thủy, hải sản; khu khai khoáng và phát triển năng lượng tái tạo; khu phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; khu phát triển đô thị biển – đảo; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học; khu bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; khu xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải sinh hoạt.

I.1.b – Vùng không gian lục địa ven bờ Cẩm Phả – Hòn Gai có phạm vi không gian của 04 xã/phường giáp biển thuộc thành phố Cẩm Phả, 04 phường của thành phố Hạ Long. Trong phạm vi vùng, nghiên cứu tổng hợp được 06 loại hình khu vực chức năng gồm: khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; khu phát triển đô thị biển – đảo; khu bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; khu xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

I.1.c – Vùng không gian lục địa ven bờ Hạ Long – Quảng Yên bao gồm các phường giáp biển của thành phố Hạ Long và thị xã Quảng Yên. Trong vùng đã tích hợp được 07 loại hình khu vực chức năng gồm: khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; khu phát triển đô thị biển – đảo; khu bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; khu xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

I.2. Không gian chức năng ven biển được quy định tại Quyết định số 1093/2016/QĐ-TCMT (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, 2016) bao gồm các kiểu đất ngập nước biển, ven biển (đất ngập nước mặn – lợ); là các bãi vùng gian triều (bao gồm cả bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát), vùng nước cửa sông, rừng ngập mặn (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng); đầm, phá ven biển; các loại đất mặn, đất mặn sú vẹt, đất mặn nhiều (xác định theo bản đồ thổ nhưỡng của (Nguyễn Mạnh Hà, 2020); có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài là ranh giới ngoài của các bãi bùn sét, cát, sỏi, cuội, cồn cát, vùng nước các cửa sông, rừng ngập mặn, đầm, phá ven biển và các loại đất mặn, đất mặn sú vẹt, đất mặn nhiều trong bản đồ thổ nhưỡng; gồm các vùng chức năng sau:

I.2.a – Vùng không gian ven biển Móng Cái – Tiên Yên bao gồm lãnh thổ của các cửa sông từ thành phố Móng Cái đến huyện Tiên Yên, các diện tích rừng ngập mặn, bãi triều, các-xơ và hệ thống thủy văn ngấm biển, các vùng bờ biển, vách đá và vùng biển nông ven bờ gồm cả vũng, vịnh có độ sâu không quá 6 m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất theo Quyết định 1093/2016/QĐ-TCMT (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, 2016). Không gian vùng gồm có 06 loại hình khu vực chức năng là: khu bảo vệ chủ quyền quốc gia; khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu khai khoáng và phát triển năng lượng tái tạo; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học.

I.2.b – Vùng không gian ven biển Cẩm Phả – Hòn Gai là vùng biển nông ven bờ bao gồm cả vùng cửa sông, cửa vịnh, các vũng, vịnh có độ sâu không quá 6 m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất, các bãi vùng gian triều, rừng ngập mặn (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng), hệ thống ao, hồ, đầm nuôi trồng thủy sản mặn, lợ (theo Quyết định 1093/QĐ-TCMT). Trong vùng đã tích hợp được 04 loại hình khu vực chức năng gồm: khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học.

I.2.c – Vùng không gian ven biển Hạ Long – Quảng Yên bao gồm vùng nước các cửa sông Bạch Đằng, sông Chanh, sông Bến Giang, sông Hốt; vùng biển nông ven bờ có độ sâu không quá 6 m khi ngấn nước thủy triều thấp nhất; các bãi vùng gian triều, rừng ngập mặn, các ao hồ, đầm nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ, các đồng cỏ và các vùng bờ biển vách đá. Không gian vùng được phân chia thành 05 loại hình khu vực chức năng gồm: khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học; khu bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch.

Không gian biển – đảo là không gian với phạm vi biển được phân chia từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến đường phân định ranh giới trên vịnh Bắc Bộ; trong đó xác định:

II.1. Không gian chức năng biển – đảo ven bờ là không gian từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách tương ứng là 06 hải lý; có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và ranh giới ngoài chạy từ đường nối tại vị trí khoảng điểm số 7 trên đường phân định ranh giới vịnh Bắc Bộ, nối theo đường viền ngoài địa hình đáy biển (thể hiện trên bản đồ mô hình số độ cao tại xã Bình Ngọc đến rìa ngoài phía đông địa hình đáy biển đảo Vĩnh Thực, đến mép ngoài hòn Núi Trụi, ra mép ngoài đảo Thoi Xanh, nối xuống rìa ngoài đảo Sâu Nam, chạy theo rìa phía đông đảo Ba Mùn và đảo Quan Lạn, vòng qua phía đông Hòn Lát, xuống rìa đông hai đảo Thượng Mai và Hạ Mai, men theo ranh giới bên ngoài của vịnh Hạ Long (đường đẳng sâu trên bản đồ mô hình số độ cao), cắt vào đường phân định ranh giới biển Quảng Ninh – Hải Phòng; bao gồm:

II.1.a – Vùng không gian biển – đảo ven bờ Móng Cái – Tiên Yên là vùng biển kín thuộc địa phận thành phố Móng Cái, huyện Hải Hà, huyện Đàm Hà và huyện Tiên Yên. Phạm vi không gian vùng phân chia được 06 loại hình khu vực chức năng gồm: khu kết

hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học.

II.1.b – Vùng không gian chuỗi đảo từ đảo Vĩnh Thục (Móng Cái) đến đảo Thoi Đây (Đầm Hà) bao gồm địa phận các xã đảo Vĩnh Thục, Vĩnh Trung, Cái Chiên và các đảo Ba Núi, Thoi Đây. Không gian vùng tích hợp được 05 loại hình khu vực chức năng là: khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu phát triển đô thị biển – đảo; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học.

II.1.c – Vùng không gian biển – đảo Vân Đồn – Bái Tử Long là diện tích hai quần đảo Kế Bào và Vân Hải, cùng với hàng trăm đảo nhỏ khác nằm ở rìa phía đông nam huyện đảo Vân Đồn; bao chiếm không gian vịnh Bái Tử Long trên vùng biển huyện Vân Đồn và một phần biên thành phố Cẩm Phả. Không gian vùng chia được 09 loại hình khu vực chức năng gồm: khu vực chức năng kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu vực chức năng phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu vực chức năng nuôi trồng thủy, hải sản; khu vực chức năng khai khoáng và phát triển năng lượng tái tạo; khu vực chức năng phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; khu vực chức năng phát triển đô thị biển – đảo; khu vực chức năng bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học; khu vực chức năng bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; khu vực chức năng xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

II.1.d – Vùng không gian biển – đảo vịnh Hạ Long – Quảng Yên gồm vùng lõi di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long và vùng biển ven bờ thuộc thành phố Hạ Long và thị xã Quảng Yên; có ranh giới là lõi di sản thiên nhiên thể giới vịnh Hạ Long rộng 434 km² và vùng đệm hơn 242 km² thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh, thể hiện trên bản đồ hệ sinh thái ven biển Đông Bắc. Phạm vi không gian vùng đã phân tách được 05 loại hình khu vực chức năng là: khu vực chức năng kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu vực chức năng phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu vực chức năng bảo vệ nguồn lợi biển và

đa dạng sinh học; khu vực chức năng bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo.

II.2 Không gian chức năng biển – đảo xa bờ là vùng biển quốc gia từ 06 hải lý đến đường phân định ranh giới trên vịnh Bắc Bộ, nằm trong vùng biển huyện đảo Cô Tô, rộng 30.000 ha với ranh giới trong là đường ranh giới ngoài của không gian biển ven bờ và ranh giới ngoài là đường phân định ranh giới trên vịnh Bắc Bộ; bao gồm:

II.2.a – Vùng không gian biển xa bờ phía Bắc quần đảo Cô Tô – đảo Trần, bao chiếm hầu hết vùng biển – đảo phía bắc huyện đảo Cô Tô và bao quát hầu như toàn bộ ranh giới phía bắc và phía đông – đông bắc không gian biển Quảng Ninh. Trong không gian vùng phân chia được 10 loại hình khu vực chức năng, gồm có: khu vực chức năng bảo vệ chủ quyền quốc gia trên vịnh Bắc Bộ; khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế biển – đảo; khu phát triển cảng – dịch vụ cảng biển; khu nuôi trồng thủy, hải sản; khu khai khoáng và phát triển năng lượng tái tạo; khu phát triển khu kinh tế, khu – cụm công nghiệp; khu phát triển đô thị biển – đảo; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học; khu bảo tồn di tích lịch sử – văn hóa và phát triển du lịch biển – đảo; khu xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải sinh hoạt.

II.2.b – Vùng không gian biển xa bờ phía nam quần đảo Cô Tô – đảo Trần bao chiếm toàn bộ không gian biển xa bờ phía nam tỉnh Quảng Ninh; nằm trong vùng nguồn lợi thủy, hải sản Long Châu – Cô Tô; được gắn kết với không gian biển thành phố Hải. Không gian vùng phân tách được thành 03 loại hình khu vực chức năng là: khu bảo vệ chủ quyền quốc gia trên vịnh Bắc Bộ; khu kết hợp quốc phòng – an ninh và kinh tế; khu bảo vệ nguồn lợi biển và đa dạng sinh học vịnh Bắc Bộ.

3.4. Những vấn đề thảo luận

Từ kết quả phân vùng chức năng, có thể đưa ra một số khuyến nghị:

Một là, cần tập trung *ưu tiên đặc biệt* cho phát triển tổng hợp các lĩnh vực kinh tế biển gắn với đảm bảo chủ quyền quốc gia và quốc phòng – an ninh. Cụ thể: vùng ven biển Móng Cái – Tiên Yên (I.1.a) (cần đặc biệt lưu ý không gian biển bao gồm phần đất liền của

các xã biên giới Hải Xuân, Ninh Dương, Hải Yên, vùng cửa Bắc Luân và vùng nước cửa sông Ka Long trên biển với trọng tâm là khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái – Hải Hà; vùng biển xa bờ phía bắc quần đảo Cô Tô – đảo Trần (II.2.a) gồm không gian biển – đảo huyện đảo Cô Tô, trọng tâm là phát triển đô thị đảo thông minh gắn với đảm bảo ranh giới quốc gia trên vịnh Bắc Bộ và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Hai là, nên ưu tiên phát triển theo thế mạnh kinh tế biển tại các vùng là vùng không gian biển – đảo Vân Đồn – Bái Tử Long (II.1.c) với trọng tâm là khu kinh tế Vân Đồn; vùng lục địa ven bờ Cẩm Phả – Hòn Gai (I.1.b) bao gồm phần lục địa các xã, phường giáp biển của thành phố Cẩm Phả và 04 phường phía bắc vịnh Cửa Lục thuộc thành phố Hạ Long, gắn với 03 lĩnh vực trọng tâm: khai thác mỏ, phát triển cảng biển và phát triển đô thị – dịch vụ, du lịch biển; vùng lục địa ven bờ Hạ Long – Quảng Yên (I.1.c) bao gồm 04 phường giáp biển của thành phố Hạ Long cùng với 04 phường sát biển của thị xã Quảng Yên, trọng tâm là phát triển các khu công nghiệp và đô thị Hạ Long Xanh tại khu kinh tế ven biển Quảng Yên cùng với đô thị du lịch – dịch vụ thành phố Hạ Long.

Nghiên cứu cũng đưa ra một số vấn đề cần thảo luận. Đó là, ranh giới không gian biển trên phần lục địa tại vùng chức năng I.1.b – Vùng lục địa ven bờ Cẩm Phả – Hòn Gai tại phường Mông Dương có không gian giáp biển rất nhỏ, trong khi không gian đất liền chiếm diện tích rất rộng, không thể hiện “tính nổi trội” về các chức năng biển, vì thế, ranh giới phía tây được xác định theo đường quốc lộ 18 từ phường Cẩm Hải kéo xuống đến ranh giới phía tây phường Cửa Ông, mà không xác định theo quy định tại Quyết định số 2295/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2014). Vấn đề thứ hai là “tính di động” của các khu vực nuôi biển, trong đó, nếu quy định chặt chẽ các “vùng nuôi biển” thì không đảm bảo sự phù hợp của hoạt động nuôi biển vì có sự thay đổi theo mùa về đặc điểm thời tiết, khí hậu, hải văn. Bên cạnh đó, một số đối tượng vùng nuôi có “tính đặc thù” về môi trường nhưng quy mô diện tích rất nhỏ như các khu xử lý chất thải rắn, khu xử lý nước

thải, các khu di tích lịch sử – văn hóa, vùng khoáng sản... khó xây dựng thành “khu chức năng” mà chỉ là những “điểm chức năng” đặc biệt, cần được ý kiến tham góp trao đổi của chuyên gia chuyên ngành.

Phân vùng chức năng không gian biển cho quy mô cấp tỉnh lần đầu tiên thực hiện trên không gian biển tỉnh Quảng Ninh có thể còn có những hạn chế, sai sót, nhóm nghiên cứu rất cần những ý kiến trao đổi thảo luận của các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý, cộng đồng xã hội... về cách tiếp cận, nội dung khoa học, tính xác thực...; trong đó, nghiên cứu bước đầu đã nhận được ý kiến từ phản biện bài viết, xin trân trọng tiếp thu để chỉnh sửa, hoàn thiện.

4. KẾT LUẬN

Với chiều dài đường bờ biển hơn 250 km, diện tích mặt biển rộng trên 6.000 km², trên 2.700 hòn đảo lớn nhỏ và trên 40.000 ha bãi triều, 20.000 ha eo vịnh..., nằm trong vùng biển phía bắc vịnh Bắc Bộ, được ví như một Việt Nam thu nhỏ, vùng biển Quảng Ninh được đánh giá có vị trí địa lý và vị thế đặc biệt quan trọng về địa kinh tế, địa chính trị, địa quân sự...; là một địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia trên biển, tạo nên điểm nhấn không chỉ trong chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh thực hiện Nghị quyết 36/2018-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương, 2018) và Nghị quyết 26/2020/NQ-CP (Chính phủ, 2019) về phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng an ninh và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam, mà còn rất có ý nghĩa trong phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng, trong quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Vì thế, việc tiên phong tổ chức nghiên cứu phân vùng chức năng không gian biển có ý nghĩa to lớn, làm thành bài học cho các địa phương có biển của Việt Nam.

Kết quả ban đầu là phân chia được không gian biển tỉnh Quảng Ninh theo 03 cấp: không gian chức năng – vùng chức năng – khu vực chức năng với 04 (không gian chức năng; 12 vùng chức năng và 10 loại hình khu vực chức năng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cần tập trung ưu tiên đặc biệt cho phát triển tổng hợp các lĩnh vực kinh tế biển gắn với đảm bảo chủ quyền quốc gia và quốc phòng, an ninh vào hai vùng: vùng ven biển Móng Cái – Tiên Yên (I.1.a) và vùng biển xa bờ phía bắc quần đảo Cô Tô – đảo Trần (II.2.a); đẩy mạnh ưu tiên phát triển theo thể mạnh kinh tế biển tại 03 vùng là: vùng không gian biển – đảo Vân Đồn – Bái Tử Long (II.1.c), vùng lục địa ven bờ Cẩm Phả – Hòn Gai (I.1.b), vùng lục địa ven bờ Hạ Long – Quảng Yên (I.1.c).

Do hệ thống bản đồ chưa hoàn thành nên kết quả đạt được về phương án phân vùng chức năng không gian biển tỉnh Quảng Ninh phục vụ phát triển bền vững kinh tế và bảo vệ môi trường biển thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có giá trị như cơ sở để xây dựng bản đồ phân vùng chức năng không gian biển và báo cáo thuyết minh vào cuối tháng 4/2024 sẽ được công bố trong bài kế tiếp. Tập thể nhóm nghiên cứu hi vọng tiếp tục nhận được ý kiến của các nhà quản lý, các nhà khoa học và các cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư ven biển để hoàn thiện đề tài. Rất trân trọng tiếp nhận và cảm ơn tất cả những góp ý, phản hồi.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả bài viết chân thành cảm ơn đề tài: “Phân vùng chức năng biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế và bảo vệ môi trường biển tỉnh Quảng Ninh” của UBND tỉnh Quảng Ninh đề xuất, do Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì thực hiện, do PGS.TS. Nguyễn An Thịnh là chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2018). *Nghị quyết số 36/NQ-TƯ ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản. (2021). *Báo cáo Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023a). *Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Dự thảo)*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023b). *Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Dự thảo)*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023c). *Bản đồ mô hình số độ cao công bố năm 2023*.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường. (2016). *Quyết định số 1093/2016/QĐ-TCMT ngày 22/8/2016 của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn kỹ thuật phân loại đất ngập nước*.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2023). *Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)*.
- Chính phủ. (2018). *Nghị định số 40/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo số 82/2015/QH13*.
- Chính phủ. (2019). *Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 25/04/2019 của Chính phủ về việc Xác định địa giới hành chính giữa tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng tại hai khu vực do lịch sử để lại*.
- Conservation, Biodiversity & World Heritage. (2002). *Zoning-lessons from the Great Barrier Reef Marine Park* Great Barrier Reef Marine Park Authority. In *Ocean and Coastal Zone Management*. Australia, PO Box 1379, Townsville Mail Centre, Queensland 4810.
- Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS). (1982). (Bản dịch tiếng Việt của Bộ Ngoại giao Việt Nam).
- Google Map. (2023). *Bản đồ Google Map mở mã nguồn năm 2023*.
- Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về Phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ (Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ). (2000).

- Honghao, T., Mingyue, L., Jing, Y., & Qi, Y. (2022). New development of marine spatial planning in China: problems and policy suggestions on the implementation of National Plan for Main Functional Zones of Oceans. *Marine Economics and Management*, 5(1), Emerald Publishing Limited 2516-158X, 34–44. DOI: 10.1108/MAEM-11-2021-0011
- Huang, F., Lin, Y., & Zhao, R. (2019). Theory and Practice in Convergence of Revisions of Marine Functional Zoning at Provincial and Municipal Levels: A Case Study of Revision of Putian Marine Functional Zoning in China. *Journal of Environmental Science and Public Health*, 3(2).
- Kitsiou, D., & Michael, K. (2017). *Marine spatial planning: Methodologies, Environmental issues and current trends*. New York, USA: Nova Science Publishers, Inc.
- Ma, R., Chen, J., Pan, Q., Cheng, Y., Wang, W., Zhu, B., Ma, J., & Li, J. (2022). How Should the Effectiveness of Marine Functional Zoning in China Be Evaluated? Taking Wenzhou Marine Functional Zoning as an Example. *Land*, 11(2), Special Issue Regional Sustainable Development of Yangtze River Delta, China, 267. DOI: 10.3390/land11020267
- Nguyễn Mạnh Hà. (2020). *Đánh giá đa dạng sinh học và lượng giá kinh tế tài nguyên các hệ sinh thái đất ngập nước ven biển vùng Đông Bắc Việt Nam phục vụ phát triển bền vững*. Nhiệm vụ khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Mã số: UQSNMT.02/20-21.
- Quốc hội. (2012). *Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13*.
- Quốc hội. (2013). *Luật Di sản văn hóa số 10/VBHN-VPQH ngày 23/07/2013*.
- Quốc hội. (2015). *Luật Tài nguyên và Môi trường biển, hải đảo số 82/2015/QH13*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2014). *Quyết định Số 2295/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Trần Đức Thanh. (2020). *Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch không gian biển vịnh Bắc Bộ*. Đề tài cấp Quốc gia, Mã số: KC.09.16/16-20.
- UNESCO-IOC/European Commission. (2021). *MSP global International Guide on Marine/Maritime Spatial Planning*. Paris, UNESCO. (IOC Manuals and Guides no8).
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2020). *Quyết định số 2343/2020/QĐ-UBND Quy định Hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2022). *Quyết định số 2386/2022/QĐ-UBND Quy định mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. (2030). *Báo cáo quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp. (2020). *Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020*.